

# Chương trình Dinh điền của chính quyền Việt Nam Cộng hòa tại Tây Nguyên (1957-1961)

Hồ Thành Tâm \*

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN,  
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 05 tháng 01 năm 2017

Chỉnh sửa ngày 14 tháng 03 năm 2017; Chấp nhận đăng ngày 22 tháng 3 năm 2017

**Tóm tắt:** Xuất phát từ những toan tính muốn duy trì sự thống trị, khôi phục nền kinh tế ở miền Nam Việt Nam sau những năm tháng chiến tranh tàn khốc, Chương trình Dinh điền của chính quyền Việt Nam Cộng hòa (1957-1961) đã đưa gần bảy vạn người từ các nơi lên Tây Nguyên định cư. Chương trình đó đã có nhiều tác động, để lại hậu quả nhiều mặt về kinh tế-xã hội, đặc biệt là trong mối quan hệ giữa các tộc người tại chỗ với người dân di cư, đồng thời gây ra nhiều xáo trộn, mâu thuẫn trong lòng xã hội Tây Nguyên.

*Từ khóa:* Dinh điền, Tây Nguyên.

## 1. Bối cảnh ra đời của Chương trình Dinh điền

Sau khi Hiệp định Geneva được kí kết (7/1954), với sự hậu thuẫn của Hoa Kỳ, Ngô Đình Diệm đã từng bước củng cố chế độ Việt Nam Cộng hòa (VNCH). Hơn hai thập niên tiếp theo, do ảnh hưởng bởi chính sách thực dân mới của Mỹ, miền Nam Việt Nam đã đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Trong bối cảnh đó, khu vực Tây Nguyên (hay *Cao nguyên trung phần*, theo cách gọi của chính quyền Sài Gòn) cũng diễn ra nhiều biến chuyển.

Một trong những bài toán mà Ngô Đình Diệm phải giải quyết nhằm xây dựng chế độ sau những năm tháng chiến tranh khốc liệt, đó là tái phân phối và sử dụng hữu hiệu các nguồn lực để phục hồi và phát triển kinh tế. Bên cạnh

việc khắc phục tình trạng sở hữu ruộng đất bất bình đẳng ở nông thôn miền Nam (qua chương trình *Cải cách điền địa* bởi Dụ số 57 ngày 22/10/1956<sup>1</sup>), thì một chương trình khác không kém phần quan trọng đó là tiến hành tái phân bố nguồn nhân lực trên phạm vi toàn miền Nam [2, tr.222], chú trọng vào việc điều chuyển một bộ phận dân cư tại các vùng đồng bằng đông đúc đến định cư tại những vùng thưa dân như Tây Nam Bộ, Đông Nam Bộ và Tây Nguyên,

<sup>1</sup> Dụ số 57 qui định việc cải cách điền địa [1, tr.2706-2708]. Chương trình Cải cách điền địa của Ngô Đình Diệm tuyên bố (1960) đã tịch thu gần nửa triệu ha đất đai của địa chủ, nhưng thực tế, chỉ có một nửa trong số đó được chia cho nông dân. Có tổng số chừng 100.000 nông hộ được hưởng lợi trên vài triệu cư dân nông thôn. Tỷ lệ nông dân trở thành chủ đất nhờ Dụ 57 này chưa đến 10% dân số nông thôn. Năm 1968, gần 80% diện tích đất trồng trọt ở đồng bằng sông Cửu Long vẫn do những tá điền canh tác thuê, tỉ lệ này không thay đổi từ năm 1954 [2, tr.218].

\* ĐT.: 84-936210886

Email: hothanhtam.ktol@gmail.com

hay còn gọi là Chương trình Dinh điền (*Land Development Program*).

“Dinh điền hay doanh điền (mở rộng ruộng) nhằm mở mang ruộng đất bằng cách di dân, lập ấp, lập làng ở nơi nhiều đất đai bỏ hoang, chưa khai phá, để tăng cường sản xuất, khuyến khích trồng nông nghiệp” [3, tr.5]. Chương trình Dinh điền được chính quyền Ngô Đình Diệm triển khai với nhiều mục tiêu lồng ghép. *Thứ nhất*, nhằm giảm tải tình trạng thiếu đất canh tác của người dân vùng đồng bằng bằng cách điều chuyển một bộ phận lao động đi xây dựng dinh điền. *Thứ hai*, nhằm đồng hóa các dân tộc thiểu số (DTTS)<sup>2</sup>, đưa họ vào môi trường văn hóa của tộc người chủ đạo. *Thứ ba*, hỗ trợ chiến lược chống Cộng tại những địa bàn trọng yếu, nơi hoạt động của lực lượng cách mạng vẫn được duy trì sau năm 1954.

Tây Nguyên là cao nguyên nằm tại trung tâm của bán đảo Đông Dương. Đây là khu vực có vị trí địa - chính trị, địa - quân sự hết sức quan trọng. Trước năm 1954, do chính sách chia để trị của chủ nghĩa thực dân Pháp mà Tây Nguyên trở nên tương đối biệt lập với các khu vực xung quanh. Quan hệ giao lưu kinh tế - văn hóa giữa Tây Nguyên với vùng hạ du ở Việt Nam khá mờ nhạt<sup>3</sup>. Ngoài những tộc người tại chỗ, các nhóm cư dân khác sinh sống ở Tây Nguyên là giới công chức, đồn chủ người Pháp và một bộ phận người Kinh [5, tr.300-301]<sup>4</sup>. Vào thời điểm 1954-1955, dân số Tây Nguyên vào khoảng 600.000 người, mật độ dân số 10 người/km<sup>2</sup> [6, tr.34]. Với tình trạng dân cư thưa thớt như vậy, nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào của Tây Nguyên chưa được khai thác hiệu quả cho công cuộc xây dựng, phát triển quốc

gia lúc bấy giờ<sup>5</sup>. Tuy nhiên, đó lại là điều kiện thuận lợi để chính quyền VNCH xây dựng vùng cao nguyên theo ý đồ của mình. Cuộc cưỡng ép di dân quy mô lớn đã khiến gần một triệu đồng bào miền Bắc vào Nam diễn ra sau Hiệp định Geneva [8, tr.40-45]. Trong số đồng bào di cư này, nhiều người đã tiếp tục bị ép buộc tham gia Chương trình Dinh điền<sup>6</sup>.

Để thực hiện kế hoạch định cư trên cao nguyên, chính quyền VNCH đã tổ chức nhiều chiến dịch tuyên truyền, cưỡng ép người dân tham gia. Ngày 22/2/1957, tại Buôn Ma Thuột, Ngô Đình Diệm đã có bài phát biểu về Chương trình Dinh điền trước đông đảo người dân [2, tr.253]. Nhân dịp 4 năm “ngày nhiếp chính” (7/7/1958), một lần nữa Ngô Đình Diệm tiếp tục quảng bá về tác dụng của chương trình này: “Về phương diện tiêu cực, luật cải cách điền địa đã giúp cho tá điền có thể trở nên tiểu điền chủ, thì về *phương diện tích cực*, kế hoạch *dinh điền* giúp thêm cho dân nông cũng như dân vô sản khác cơ hội *có thêm ruộng đất để canh cấy*” [3, tr.9]. Thậm chí, năm 1959, chính quyền Sài Gòn còn lấy ngày sinh nhật của Ngô Đình Diệm (3/1) làm *Ngày Dinh điền* [10, tr.11].

Việc đầu tiên để thành lập một khu dinh điền là tiến hành khảo sát nhằm tìm ra địa điểm phù hợp. Công đoạn khảo sát phải nhắm đến những nội dung như địa thế của địa điểm, nguồn nước, chất đất và các loại cây trồng thích hợp, dân số, đường giao thông, khả năng tiếp tế [11, tr.1-10]. Những địa điểm phù hợp sẽ được lập thành dự án để Ngô Đình Diệm phê duyệt. Các bước tiếp theo có thể chia làm 3 giai đoạn:

*Giai đoạn di-định cư*: Quốc gia Nông cụ Cơ giới cuộc và đại diện kỹ thuật Phủ Tổng ủy Dinh điền tiến hành đo đạc, cày xới làm sạch mặt bằng và quy hoạch sơ bộ điểm dinh điền.

<sup>2</sup> Chính quyền VNCH thường sử dụng cụm từ “*Đồng bào Thượng*” để chỉ cộng đồng các dân tộc thiểu số tại Tây Nguyên.

<sup>3</sup> Từ 1949-1955, thỏa thuận với chính phủ Pháp, Bảo Đại đặt ra khu vực *Hoàng Triều cương thổ* bao gồm toàn bộ khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam và Tây Nguyên. Hoàng Triều cương thổ được quản lý theo quy chế riêng. [4, tr.45]

<sup>4</sup> Dân số người Kinh ở Tây Nguyên vào giữa thập niên 1950 ước khoảng 30.000 người.

<sup>5</sup> Một khảo sát cho thấy, vào năm 1955 chỉ có khoảng 109.000ha/5.700.000ha đất đai (tức chưa đầy 2%) ở Tây Nguyên được giới điền chủ người Pháp đưa vào khai thác, phần còn lại vẫn do các bộ lạc DTTS canh tác bằng hình thức du canh du cư cổ truyền. [7, tr.357]

<sup>6</sup> Trong khoảng 3 tháng sau khi quân đội Pháp rút khỏi miền Bắc (tháng 10/1955), đã có hơn 886.881 người di cư vào Nam và chừng 140.000 người đi theo chiều ngược lại. [9, tr.104]

Quân đội phối hợp với Bảo an đoàn và Phủ Tổng ủy dinh điền đưa người dân đến nơi ở mới.

*Giai đoạn chuẩn bị địa phương hóa:* Với sự hỗ trợ của Phủ Tổng ủy Dinh điền và các cơ quan hữu quan, người dân xây dựng nhà cửa, ổn định đời sống, tiến hành sản xuất và xây dựng bộ máy hành chính tại chỗ.

*Giai đoạn địa phương hóa:* Sau khi đời sống của người dân ổn định, bộ máy hành chính vận hành bình thường, địa điểm dinh điền sẽ được bàn giao cho địa phương và trở thành một đơn vị hành chính (xã, ấp...) trực thuộc địa phương sở tại. [12, tr.130-131]

Có thể thấy, bên cạnh các ý đồ kinh tế-xã hội, Chương trình Dinh điền còn hàm chứa trong nó ý đồ chính trị của chính quyền VNCH, nhằm chống phá ảnh hưởng của lực lượng cách mạng tại một địa bàn chiến lược là Tây Nguyên.

## 2. Quá trình xây dựng dinh điền tại Tây Nguyên

Bước đi đầu tiên trong kế hoạch đưa dân lên Tây Nguyên được tiến hành bằng việc hủy bỏ quy chế Hoàng triều cương thổ, xây dựng hệ thống hành chính ở Cao nguyên theo khuôn mẫu chung của toàn miền Nam [13, tr.8]. Ngày 23/4/1957, chính quyền VNCH chính thức khởi động Chương trình Dinh điền, trong đó, địa bàn Tây Nguyên được ưu tiên dùng để định cư người dân từ các tỉnh duyên hải miền Trung, nơi mà theo lời Ngô Đình Diệm là “có quá nhiều cát và không đủ đất” [5, tr.8], lên sinh sống. Phủ Tổng ủy Dinh điền có trách nhiệm tuyển mộ và tổ chức người dân đăng ký tham gia. Từ các nơi, người dân bị tập trung về Quy Nhơn hoặc Nha Trang rồi được đưa lên Tây Nguyên theo từng đợt. Trong vòng 5 năm (1957-1961), Chương trình Dinh điền đã đưa được một lượng người đáng kể lên Tây Nguyên định cư.

Bảng 1. Dân số dinh điền tại Tây Nguyên 1957-1961

	Đơn vị	1957	1958	1959	1960	1961
Số khu dinh điền	<i>Khu</i>	2			6	
Số điểm dinh điền	<i>Điểm</i>	7	24	37	55	58
Dân số	<i>Người</i>	10.601	32.761	43.825	64.485	69.958

Nguồn: [7, 14, 15]

Tây Nguyên ban đầu được tổ chức thành 2 khu dinh điền (khu Buôn Ma Thuột và khu Pleiku-Kon Tum [16, tr.2962-2963]), nhưng về sau, khi lượng người từ các nơi bị đưa lên ngày một đông hơn, nhiều khu dinh điền đã được tách ra hoặc lập mới. Năm 1960, toàn Tây Nguyên có 6 khu dinh điền (Kon Tum, Pleiku I, Pleiku II, Đăk Lăk I, Đăk Lăk II, Quảng Đức) với 55 điểm, tập trung nhiều nhất tại Pleiku (25 điểm) và Đăk Lăk (20 điểm).

Đến năm 1961, Chương trình Dinh điền đã đưa 69.958 người từ các nơi lên Tây Nguyên, nhiều nhất là trong 3 năm 1958-1960. Phần lớn người dân bị đưa đi dinh điền đến từ các tỉnh miền Trung như Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thừa Thiên, Bình Định, Phú Yên (chiếm hơn 97% tổng số dân định cư theo Chương trình Dinh điền tại Tây Nguyên trong

hai năm 1957-1958 [14, tr.201]). Đa phần trong số họ thuộc độ tuổi từ 16-49 tuổi (60%), lứa tuổi dưới 16 chiếm 30% và trên 50 chiếm 10%. Điều này cho thấy những người tham gia dinh điền thường đi cả hộ, gồm cả con cái và ông bà. 90% số người đi dinh điền làm nghề nông [17, tr.50-56].

Bên cạnh nông dân miền Trung, thì một bộ phận quan trọng khác trong số những người di cư lên Tây Nguyên là giáo dân từ miền Bắc vào. Bản thân Ngô Đình Diệm rất có ý thức sử dụng tôn giáo, đặc biệt là Công giáo, phục vụ cho chiến lược chống phá cách mạng, đồng thời mong muốn tìm thấy trong lực lượng giáo dân di cư đông đảo những người ủng hộ mình.

Theo thống kê của Phủ Tổng ủy Dinh điền, trong số hơn 509.093 người Bắc di cư vào Nam

được tiếp nhận đến thời điểm 1/7/1957<sup>7</sup>, chỉ có 54.551 người được bố trí sinh sống trong 50 trại định cư trên Cao nguyên. Các con số này lần lượt chỉ chiếm 10,7% và 24% lượng người di cư và số trại định cư trên toàn miền Nam [18,

tr.58-65]<sup>8</sup>. Tuy nhiên, số người Bắc di cư này và những người nông dân miền Trung tham gia Chương trình Dinh điền giai đoạn 1957-1961 đã tác động rất lớn đến diện mạo tôn giáo ở Tây Nguyên.

Bảng 2. Tín đồ Công giáo tại các khu dinh điền Cao nguyên trung phần (tháng 9/1960)

Khu dinh điền	Số điểm	Giáo dân	Dân số khu
Kon Tum	3	3.251	4.165
Pleiku I	13	6.904	14.378
Pleiku II	12	5.600	17.372
Đắk Lắk I	9	1.859	9.032
Đắk Lắk II	11	4.413	12.660
Quảng Đức	7	2.755	6.878
<i>Tổng</i>	<i>55</i>	<i>24.782</i>	<i>64.485</i>
<i>Dân số Cao nguyên trung phần</i>			<i>603.700</i>

Nguồn: [19, 20]

Như vậy, đến thời điểm năm 1960 tín đồ Công giáo đã chiếm 38,4% dân số tại các điểm dinh điền. Đây là một tỉ lệ cao nếu so sánh với thời điểm trước khi chương trình được triển khai. Năm 1955, giáo phận Kon Tum (trương đương các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk và Đắk Nông hiện nay) có 26.200 giáo dân/600.000 cư dân, tức chỉ chiếm hơn 4% dân số. Chính nhờ lực lượng Công giáo và người dân di cư từ các nơi đến, năm 1957, số lượng giáo dân tại giáo phận này đã tăng lên 56.867 người (hơn 2 lần) và năm 1963 là 71.625 người (gần 3 lần) [21].

Tuy vậy, phân bố giáo dân tại các điểm dinh điền không đồng đều. Một số điểm có tỉ lệ giáo dân chiếm hơn 50% dân số như Tân Lạc, Lệ Ngọc 1, Lệ Ngọc 2, Robal, Bảo Đức (Pleiku I), Tri Đạo, Diên Bình, Pleikrong (Kon Tum), Đức An, Doãn Văn (Quảng Đức)..., nhưng cũng có

những điểm giáo dân chỉ chiếm dưới 10% dân số như Thăng Đức (Pleiku II), Pleime (Pleiku I), Buôn Kuang, Ea Hiu (Đắk Lắk II), Ea Rock, Buôn Hằng (Đắk Lắk I). Tuy chưa thể đạt đến mức “Công giáo hóa” (tín đồ Công giáo chiếm khoảng 10,6% dân số Tây Nguyên) nhưng với lượng tín đồ ồ ạt từ các nơi đổ đến, Công giáo đã trở thành một trong những thế lực tôn giáo đáng kể nhất tại Tây Nguyên<sup>9</sup>.

Việc đưa một lượng lớn người Kinh lên Tây Nguyên trong thời gian ngắn như vậy đã khiến dân số nơi đây tăng nhanh, chủ yếu là tăng cơ học.

Có thể thấy, qua chưa đầy 10 năm (1954-1963), tỉ lệ người miền xuôi trong cấu trúc dân số Tây Nguyên đã thay đổi rõ rệt. Vào giữa thập niên 1950, người Kinh ước chiếm 5% dân số cao nguyên, và người DTTS là gần 95%. Năm 1963, tỉ lệ này đã trở thành 45%/54%. Mặc dù đến thời điểm 1963, các tộc người tại chỗ ở Tây Nguyên vẫn chiếm đa số, nhưng diện mạo nhân khẩu học khu vực này đã có nhiều biến đổi bởi Chương trình Dinh điền.

<sup>7</sup> Đây chỉ tính số người di cư do Phủ Tổng ủy Di cư phụ trách, ngoài ra còn nhiều người di chuyển bằng các con đường khác nhau. Peter Hansen chỉ ra có 5 phương pháp di chuyển mà những người miền Bắc đã sử dụng để đi vào Nam [9, tr.141-144]. Theo số liệu của chính quyền VNCH, 3 tháng sau khi quân đội Pháp rút hết khỏi Hải Phòng (tháng 10/1955), đã có 886.881 người miền Bắc di cư vào Nam [9, tr.104].

<sup>8</sup> Phần lớn (hơn 77%) người di cư được bố trí định cư ở Nam Bộ.

<sup>9</sup> Trong số 3 tôn giáo lớn ở Tây Nguyên lúc bấy giờ là Phật giáo, Công giáo và Tin Lành, thì Tin Lành đến năm 1965 có hơn 2 vạn tín đồ (cả tín đồ báp-têm lẫn tín đồ chưa báp-têm), tức bằng 1/3 so với Công giáo.

Bảng 3. Dân số các tỉnh Cao nguyên trung phần năm 1963

Tỉnh	Kinh	DTTS	Khác	Tổng
Đắk Lắk	74.917	99.207	51	174.175
Quảng Đức	13.526	18.093	-	31.619
Pleiku	50.100	122.729	-	172.829
Kon Tum	21.939	65.971	-	87.910
Tuyên Đức	41.644	27.980	30	69.654
Lâm Đồng	39.619	23.687	-	63.306
Thị xã Đà Lạt	54.846	-	4	54.850
Phú Bổn	24.233	23.454	-	47.687
<i>Tổng</i>	<i>320.824</i>	<i>381.121</i>	<i>85</i>	<i>702.030</i>

Nguồn: [22]

Tuy được vận động rầm rộ, thậm chí được nâng lên thành hàng “*quốc sách*” [3, tr.5] nhưng việc tổ chức thực hiện Chương trình Dinh điền của chính quyền VNCH có nhiều bất cập, khiến cuộc sống của người dinh dân tại vùng đất mới phải đối mặt với vô vàn khó khăn [14, tr.202]. Việc lựa chọn địa điểm xây dựng khu dinh điền còn nhiều hạn chế. Một trong những mục tiêu quan trọng của Chương trình Dinh điền là biến các điểm định cư thành cơ sở chống lại sự xâm nhập của lực lượng cách mạng [7, tr.360]. Việc lựa chọn những địa điểm để xây dựng dinh điền do vậy còn phụ thuộc vào mức độ đánh giá của chính quyền đối với tiềm năng của vị trí đó trong chiến lược chống cộng. Và những vị trí như vậy thường nằm ở nơi xa xôi, hẻo lánh [11, tr.1-10]. Do vậy, trong 2 năm đầu tiên của chương trình (1957-1958), đã có khoảng 3.000 người bỏ về quê cũ [14, tr.223].

Việc đưa đón người dân từ các nơi lên Tây Nguyên cũng còn nhiều bất cập. Đợt đưa dân đầu tiên diễn ra vào đúng mùa mưa (tháng 5- tháng 10) năm 1957. Người dân đặt chân đến nơi ở mới phải lo dựng nhà cửa, ổn định cuộc sống, đến khi xong việc thì thời vụ gieo trồng đã trôi qua. Năm 1958, rút kinh nghiệm, người dân được đưa lên từ mùa khô (tháng 4-tháng 11), nhưng mặt bằng nhiều nơi chưa được phát dọn sạch sẽ để bàn giao.

Sự khác biệt về tập quán, kinh nghiệm sản xuất cũng là một trở ngại đối với dinh dân. Như trên đã nói, phần lớn dinh dân tại Tây Nguyên là nông dân các tỉnh miền Trung, kinh nghiệm

canh tác của họ không phù hợp với khí hậu, thổ nhưỡng, giống cây trồng... trên Cao nguyên. Đây là chưa kể, để thu lợi, người dân nhiều nơi theo yêu cầu của chính quyền, phải trồng những loại cây có giá trị cao như kenaf (cây đay), cao su, cà phê... trong khi kiến thức, kỹ năng canh tác các loại cây mới này không thể chỉ học trong thời gian ngắn mà thành thạo được<sup>10</sup>.

Việc chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh tại các điểm dinh điền không theo kịp nhu cầu của dinh dân. Điều kiện khí hậu ẩm thấp, mùa mưa kéo dài và môi trường rừng rậm khiến Tây Nguyên trở thành nơi tập trung của các loại bệnh nhiệt đới tại Việt Nam, đặc biệt là sốt rét. Kết quả khảo sát tại một số địa điểm dinh điền thuộc hai khu Buôn Ma Thuột và Pleiku-Kon Tum vào tháng 9/1958 cho thấy, tỉ lệ dinh dân bị sốt rét rất cao, đặc biệt tại các điểm ở Pleiku như Trà Phấn (59,4%), Iakae (49,6%), Pleithe (46,9%)... [14, tr.224].

Cuộc vận động người dân đi xây dựng dinh điền đang tiến hành thì đến năm 1960, với sự bùng nổ của phong trào Đồng khởi trên toàn miền Nam chống lại chế độ cai trị độc tài của Ngô Đình Diệm, chương trình bình định nông

<sup>10</sup> Trong tính toán của chính quyền, trồng trọt các loại cây công nghiệp, cây ăn quả sẽ mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với việc trồng lúa. Cho nên, ở nhiều điểm, người dân đã được yêu cầu trồng các loại cây trên với lưu ý “nếu không trồng thì cắt trợ cấp” [14, tr.225-230]. Có thể thấy, đến năm 1961 (thời điểm Chương trình Dinh điền dân bị thay thế bởi *quốc sách* áp chiến lược), thời gian chưa đủ dài để người dân được hưởng lợi từ các loại cây công nghiệp lâu năm.

thôn của chính quyền VNCH bị suy yếu nghiêm trọng. Cùng với Chương trình Dinh điền, việc xây dựng các “khu trú mật” ở đồng bằng sông Cửu Long cũng vì thế mà bị đình chỉ để chuyển sang xây dựng một loại hình kiểm soát nông thôn mới, thích ứng với thời chiến: “Chương trình ấp chiến lược”.

\*

\*

\*

Trong vòng 5 năm (1957-1961), Chương trình Dinh điền đã cưỡng ép gần 7 vạn người từ các tỉnh miền Trung lên Tây Nguyên định cư, chiếm hơn 33% số lượng người dân tham gia Chương trình Dinh điền trên toàn miền Nam. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, một lượng người Việt đông đảo đến như vậy di cư lên Tây Nguyên, làm biến đổi mạnh mẽ cấu trúc dân số và đời sống văn hóa cao nguyên.

Do những bất cập trong việc hoạch định lẫn thực thi chính sách, Chương trình Dinh điền đã làm xáo trộn đời sống vật chất và tinh thần của cả lực lượng di cư cũng như các tộc người DTTS. Nhiều báo cáo đã phản ánh việc người dinh dân bị phó mặc cho nạn tham nhũng, đầu cơ, phân biệt tôn giáo bởi các viên chức địa phương. Tuy nhiên, hệ lụy lớn nhất mà Chương trình Dinh điền gây ra đó là tạo nên những hiềm khích, tranh chấp đất đai giữa các tộc người địa phương với người dân di cư. Tình trạng thiếu hiểu biết về phong tục, tập quán truyền thống của đồng bào DTTS, cũng như thiếu cả lực lượng quản lý cấp cơ sở am hiểu Tây Nguyên, chính quyền VNCH một mặt đã chiêu dụ, cưỡng ép dinh dân ra khỏi những khốn khó ở quê hương để rồi lại dồn đẩy họ vào những thách thức mới trên cao nguyên. Mâu thuẫn giữa người miền xuôi với các tộc người thiểu số gia tăng và dần trở thành vấn đề nổi cộm trong quan hệ dân tộc tại Tây Nguyên suốt thời VNCH.

## Lời cảm ơn

Công trình nằm trong khuôn khổ đề tài NCKH cấp cơ sở do Trường ĐHKHXH&NV (ĐHQGHN) tài trợ, mã số CS.2016.02.

## Tài liệu tham khảo

- [1] Công báo Việt Nam Cộng hòa, số 50 (ngày 29/10/1956).
- [2] Edward Miller (2016), Liên minh sai lầm: Ngô Đình Diệm, Mỹ và số phận Nam Việt Nam, NXB. CTQG, Hà Nội.
- [3] Việt Nam Cộng hòa (1959), Chính sách dinh điền, cải cách điền địa, nông tìn, Văn hữu Á Châu xuất bản, Sài Gòn.
- [4] Phạm Văn Năm (2012), Dâng trọn cuộc đời, NXB. Phương Đông, tp. HCM.
- [5] Gerald Cannon Hickey (1982), Free in the Forest. Ethnohistory of the Vietnamese Central Highlands, 1954-1976, New Heaven and London, Yale University Press.
- [6] Nguyễn Đình Lê (2016), Biến chuyển xã hội miền Nam Việt Nam (1954-1975), Đề tài do Quỹ NAFOSTED tài trợ, mã số IV.1.1-2012.11.
- [7] Republic of Vietnam (1961), 7 Years of the Ngo Dinh Diem Administration 1954-1961, Saigon.
- [8] Nguyễn Đình Lê, “Sự kiện di cư 1954-1955 trong lịch sử Việt Nam và thế giới”, Tạp chí Lịch sử quân sự, số 273 (2014).
- [9] Peter Hansen (2009), Bac Di Cu: Catholic Refugees from the North of Vietnam, and Their Role in the Southern Republic, 1954–1959, Thesis for Doctor of Philosophy, Monash University, Australia.
- [10] Chấn hưng kinh tế, số 98 (1959).
- [11] Công văn số 52/HC/M ngày 15/7/1958 của Giám đốc Nha công tác xã hội miền Thượng gửi ông Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống v/v khảo sát địa điểm thành lập dinh điền tại Pleiku, phong Đệ Nhất Cộng hòa, hồ sơ số 11766, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- [12] Hồ sơ v/v sửa chữa quốc lộ 14 thuộc các tỉnh Cao nguyên trung phần năm 1955-1962, phong Bộ Công chánh và Giao thông, hồ sơ số 8770, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- [13] Dụ số 21 ngày 11/3/1955 phong Phủ Thủ tướng VNCH, số 3905.
- [14] Stan B-H Tan (2005), Dust Beneath the Mist. State and Frontier Formation in the Central Highlands of Vietnam, the 1955-61 Period, Thesis

- for Doctor of Philosophy of Political Science, Australian National University.
- [15] Tuần san Phòng Thương mại Sài Gòn, số 217, ra ngày 1-9-1961.
- [16] Công báo Việt Nam Cộng hòa, số 33 (ngày 9/8/1958).
- [17] Báo cáo tình hình vùng dinh điền Cao nguyên Trung phần (tháng 12/1957), phòng Phủ Tổng ủy Dinh điền và Nông vụ, hồ sơ số 08, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- [18] Dân số định cư tại Nam phần Trung phần (Cao nguyên và Trung nguyên) tính đến ngày 1/7/1957, phòng Phủ Tổng ủy Di cư và tị nạn, hồ sơ số 101, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- [19] Hồ sơ v/v hoạt động di dân định cư của đồng bào Thiên Chúa giáo tại các địa điểm dinh điền năm 1960, số 5656, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- [20] Việt Nam Cộng hòa (1962), Niên giám thống kê 1960-1961, Sài Gòn.
- [21] Giáo phận Kon Tum (2015), Thống kê giáo phận năm 2015, tại [http://giaophankontum.com/HinhAnh/Paters/thong\\_ke\\_2015.pdf](http://giaophankontum.com/HinhAnh/Paters/thong_ke_2015.pdf) (truy cập ngày 21/2/2017).
- [22] Việt Nam Cộng hòa (1966), Niên giám thống kê 1964-1965, Sài Gòn.

## The Republic of Vietnam's Land Development Program in the Central Highlands (1957-1961)

Ho Thanh Tam

*VNU University of Social Sciences and Humanities, 336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam*

**Abstract:** Originating from the attempts to maintain dominance and to restore the economy of South Vietnam after years of fierce war, the Land Development Program of the Republic of Vietnam (1957-1961) brought nearly 70,000 people from other regions to the Central Highlands. This, on the one hand, contributed to economic and cultural exchanges among local ethnicities and migrants, but on the other hand, caused many disturbances and contradictions inside the society of the Central Highlands. This program had many socio-economic impacts, especially on the relationship between local ethnic groups and migrants.

*Keyword s:* Land Development Program, Central Highlands.